



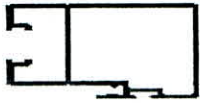


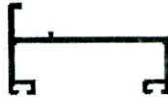
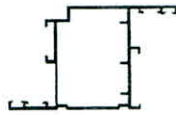
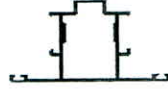
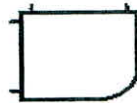
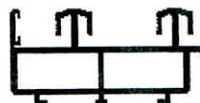




**Phụ lục 7 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**Được cấp chứng nhận phù hợp chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

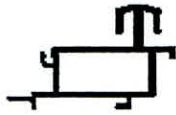
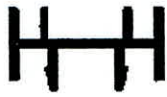


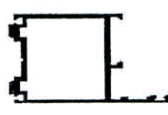


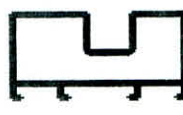
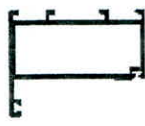

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	C3318	TO-5S164		6063-TE
2	C3209	TO-5S165		6063-TE
3	C3300R	TO-6F357		6063-TE
4	C3203	TO-5S168		6063-TE
5	C3328	TO-5W897		6063-TE
6	C3323	TO-5W898		6063-TE
7	C3303	TO-5W900		6063-TE
8	C3295	TO-5W901		6063-TE
9	C3202	TO-5W905		6063-TE
10	C3033	TO-5W994		6063-TE
11	C1001	TO-5X285		6063-TE
12	C1002	TO-5X286		6063-TE



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
13	S1541A	TO-5W908		6063-TE
14	S1942A	TO-5W913		6063-TE
15	S1543A	TO-5W903		6063-TE
16	S1546	TO-5W904		6063-TE
17	S1547A	TO-5W906		6063-TE
18	S1545	TO-5W910		6063-TE
19	S1544A	TO-5W909		6063-TE
20	C1003	TO-5X287		6063-TE
21	C3332	TO-5W899		6063-TE
22	C3313	TO-5X518		6063-TE
23	SC5590	TO-5X561		6063-TE
24	SL1701	TO-5X569		6063-TE

HỌC VÀ  
TRUNG  
NHẬT TẾ  
ĐỒ LƯ  
CHẤT LI

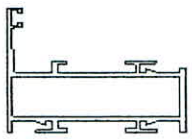

ON

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
25	SL1702	TO-5X570		6063-TE
26	D1548	TO-5X524		6063-TE
27	SF1707	TO-5X525		6063-TE
28	SF1706	TO-5X526A		6063-TE
29	SF1705	TO-5X527		6063-TE
30	SF1704	TO-5X528		6063-TE
31	SF1703	TO-5X529		6063-TE
32	SF1701	TO-5X530		6063-TE
33	SF1702	TO-5X531		6063-TE
34	SF1708	TO-5X532		6063-TE





**Phụ lục 8 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

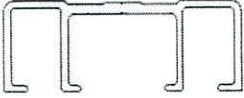
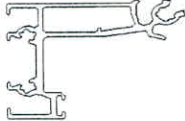
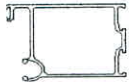
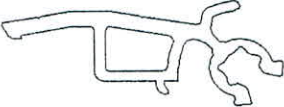
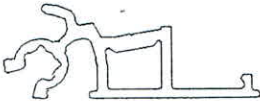
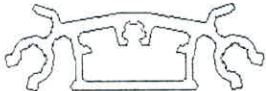




STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	SPI-KB1	TO-5L905A		6063-TF
2	SPI-100	TO-6F356		6063-TE

*Handwritten signature*


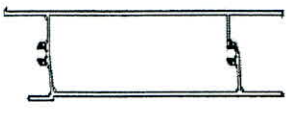
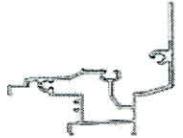
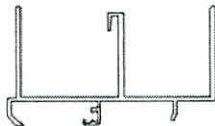

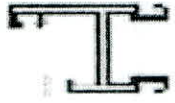
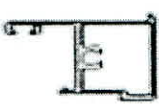
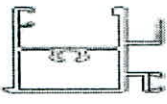

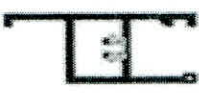




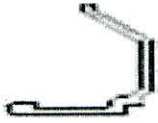

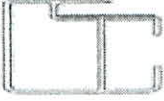
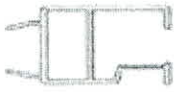
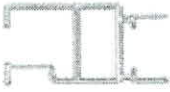
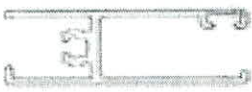
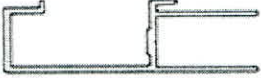
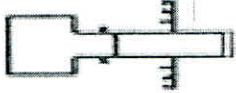




**Phụ lục 9 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**







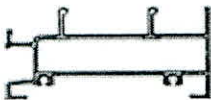




STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	TO-00381		6063-TE
2	TO-00387A		6063-TE
3	TO-03205		6063-TE
4	TO-03206		6063-TE
5	TO-03207		6063-TE
6	TO-03208		6063-TE
7	TO-04200		6063-TE
8	TO-18702B		6063-TE
9	TO-1B741		6063-TE
10	TO-1B742		6063-TE














STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
11	TO-1B743A		6063-TE
12	TO-1B744		6063-TE
13	TO-1B745		6063-TE
14	TO-1B746		6063-TE
15	TO-1B753		6063-TE
16	TO-1B754		6063-TE
17	TO-1B755		6063-TE
18	TO-1B756		6063-TE
19	TO-1B757		6063-TE
20	TO-1B758		6063-TE
21	TO-1B759		6063-TE

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
22	TO-1B760		6063-TE
23	TO-1B771		6063-TE
24	TO-28713D		6063-TE
25	TO-28716B		6063-TE
26	TO-28719B		6063-TE
27	TO-28721B		6063-TE
28	TO-28953		6063-TE
29	TO-2J421		6063-TE
30	TO-2J917		6063-TE
31	TO-2J918		6063-TE
32	TO-2J919		6063-TE


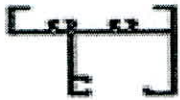
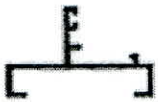
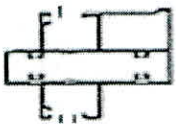



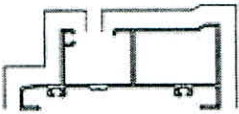
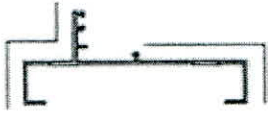
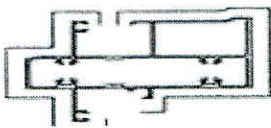
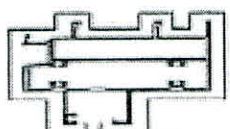
TÀI CẤP  
 : TÀI  
 ẾU CHƯ  
 ỜNG  
 ỜNG  
 LƯƠNG

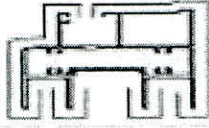
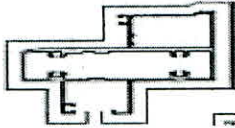
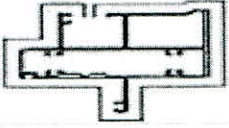
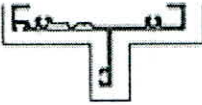
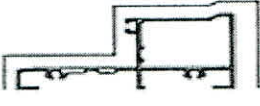


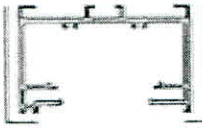



STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
33	TO-2K239A		6063-TE
34	TO-2K351		6063-TE
35	TO-2K425		6063-TE
36	TO-2K768		6063-TE
37	TO-2L456		6063-TE
38	TO-2L458		6063-TE
39	TO-2L460		6063-TE
40	TO-2L461		6063-TE
41	TO-2L462		6063-TE
42	TO-2L463		6063-TE
43	TO-2L753		6063-TE



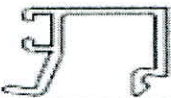








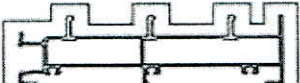

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
44	TO-2M684		6063-TE
45	TO-2M685		6063-TE
46	TO-2M787		6063-TE
47	TO-2M826		6063-TE
48	TO-2M827		6063-TE
49	TO-2M958		6063-TE
50	TO-2N423		6063-TE
51	TO-2N424		6063-TE
52	TO-2N705		6063-TE
53	TO-2N926		6063-TE
54	TO-2N927		6063-TE

SỞ KHOA  
T  
KỸ TH  
Đ  
CH  
NẾU C

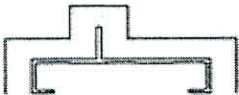

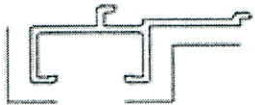
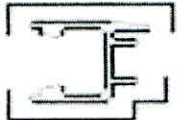
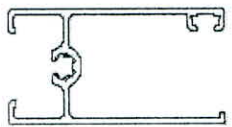
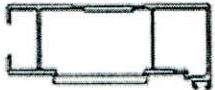

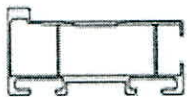
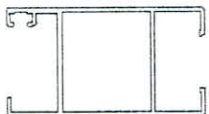
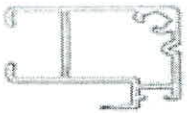
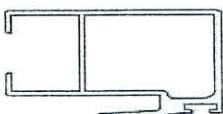
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
55	TO-2N928		6063-TE
56	TO-2N929		6063-TE
57	TO-2N930		6063-TE
58	TO-2N931		6063-TE
59	TO-2P288		6063-TE
60	TO-2P303		6063-TE
61	TO-2R384		6063-TE
62	TO-2S604		6063-TE
63	TO-2S605		6063-TE
64	TO-2S606		6063-TE
65	TO-2S607		6063-TE

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
66	TO-2S608		6063-TE
67	TO-2S609		6063-TE
68	TO-2S610		6063-TE
69	TO-2S611A		6063-TE
70	TO-2S612		6063-TE
71	TO-2S613		6063-TE
72	TO-2S692A		6063-TE
73	TO-2S760		6063-TE
74	TO-2S762		6063-TE
75	TO-2S763		6063-TE
76	TO-2S764		6063-TE

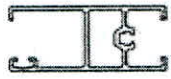
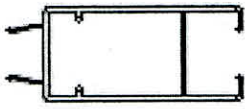
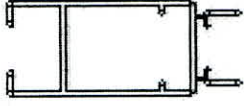
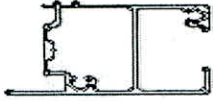
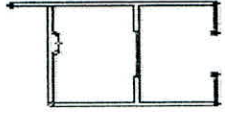
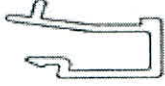
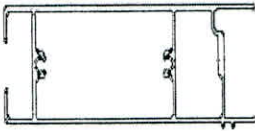
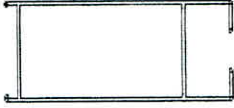
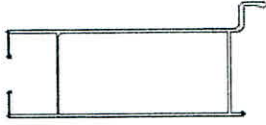
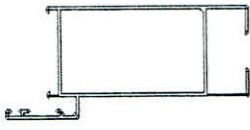

W. 3. 3. 5. 2. / 5 //  
 X. A. AN. PH. I.

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
77	TO-2S766		6063-TE
78	TO-2Z303A		6063-TE
79	TO-3B086		6063-TE
80	TO-3B087		6063-TE
81	TO-3B088		6063-TE
82	TO-46985		6063-TE
83	TO-4S711A		6063-TE
84	TO-4S712		6063-TE
85	TO-4S715		6063-TE
86	TO-4S716		6063-TE
87	TO-4S717		6063-TE



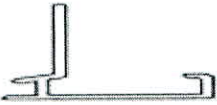



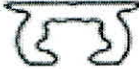

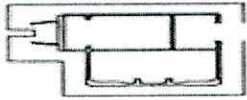
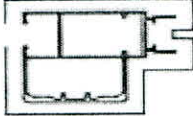
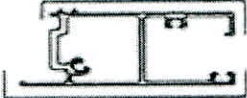

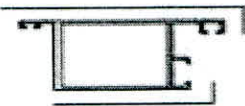
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
88	TO-4S718		6063-TE
89	TO-4S721		6063-TE
90	TO-4S723		6063-TE
91	TO-4S724		6063-TE
92	TO-4S725		6063-TE
93	TO-4S726		6063-TE
94	TO-4S727A		6063-TE
95	TO-4S728		6063-TE
96	TO-4S729		6063-TE
97	TO-4S730		6063-TE
98	TO-4S731		6063-TE

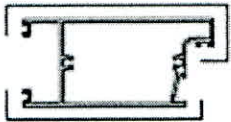



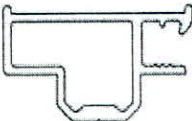

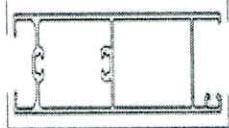
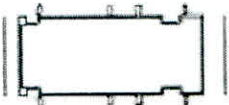

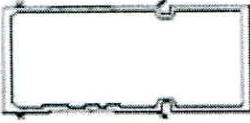
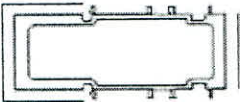


STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
99	TO-4S733		6063-TE
100	TO-4S735		6063-TE
101	TO-4S736		6063-TE
102	TO-4S742A		6063-TE
103	TO-4S743A		6063-TE
104	TO-4S748		6063-TE
105	TO-4S749		6063-TE
106	TO-4S750		6063-TE
107	TO-4S751		6063-TE
108	TO-4S752		6063-TE
109	TO-4S756		6063-TE

CÔNG TY  
 TÂM  
 CHUẨN  
 TÍNH  
 NG S  
 2 LƯU

1-10/10/2024


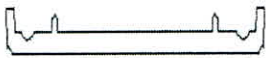
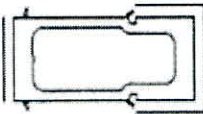
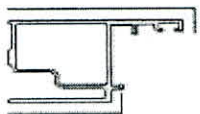

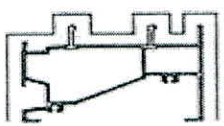
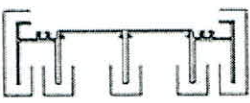
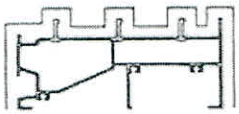

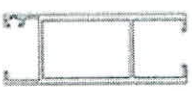

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
110	TO-4S770		6063-TE
111	TO-4S775		6063-TE
112	TO-4S776		6063-TE
113	TO-4S778		6063-TE
114	TO-4W011		6063-TE
115	TO-4W295		6063-TE
116	TO-4Z402		6063-TE
117	TO-4Z403		6063-TE
118	TO-5A146		6063-TE
119	TO-5A147		6063-TE
120	TO-5A148		6063-TE

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
121	TO-5A422		6063-TE
122	TO-5B615		6063-TE
123	TO-5B616		6063-TE
124	TO-5C337		6063-TE
125	TO-5C338		6063-TE
126	TO-5C339		6063-TE
127	TO-5D157		6063-TE
128	TO-5D166		6063-TE
129	TO-5D254		6063-TE
130	TO-5F731		6063-TE
131	TO-5F732		6063-TE

MOA  
R  
C  
TU



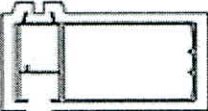
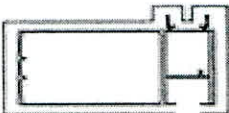
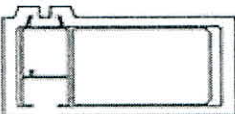
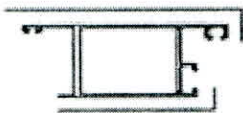
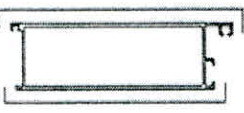
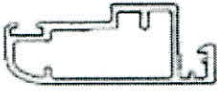
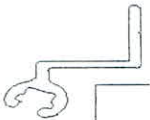
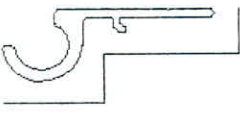
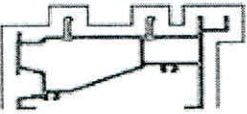
ANH T. ĐO

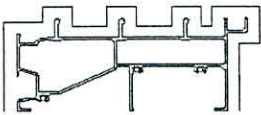
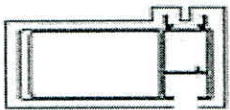
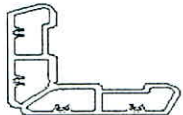

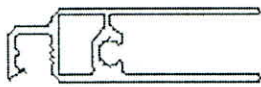
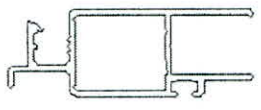
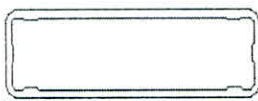
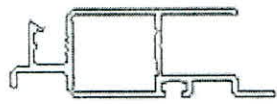


STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
132	TO-5F733		6063-TE
133	TO-5F734		6063-TE
134	TO-5F874		6063-TE
135	TO-5G003		6063-TE
136	TO-5G183		6063-TE
137	TO-5G184		6063-TE
138	TO-5G185		6063-TE
139	TO-5G186		6063-TE
140	TO-5G187		6063-TE
141	TO-5G188		6063-TE
142	TO-5G189		6063-TE

A CỐ  
 NG TÀI  
 NẾU C  
 LUỒN  
 N ĐỒ



STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
143	TO-5G190		6063-TE
144	TO-5G191		6063-TE
145	TO-5G192		6063-TE
146	TO-5G193		6063-TE
147	TO-5G194		6063-TE
148	TO-5G199		6063-TE
149	TO-5G214		6063-TE
150	TO-5G325		6063-TE
151	TO-5G326B		6063-TE
152	TO-5G327B		6063-TE
153	TO-5G330		6063-TE

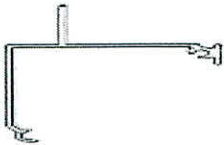
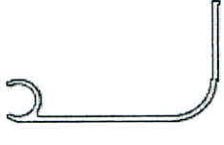
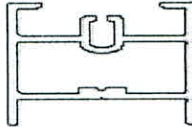
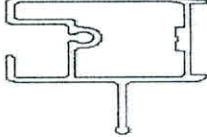
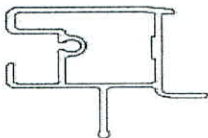
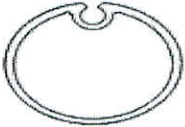
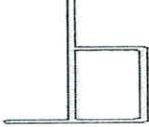
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
154	TO-5G331		6063-TE
155	TO-5G332		6063-TE
156	TO-5H509		6063-TE
157	TO-86995A		6063-TE
158	TO-90721		6063-TE
159	TO-90722		6063-TE
160	TO-90779		6063-TE
161	TO-90723		6063-TE

*Handwritten signature*



Phụ lục 10 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile  
 được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD  
 (Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)



STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	TO-5Z869		6063-TE
2	TO-1W580		6063-TE
3	TO-1W859		6063-TE
4	TO-1X008		6063-TE
5	TO-1X009		6063-TE
6	TO-1E933		6063-TE
7	TO-5Z870		6063-TE










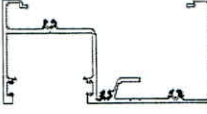
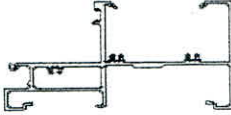


*Handwritten signature*



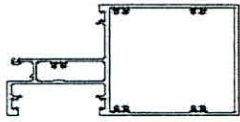
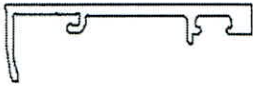
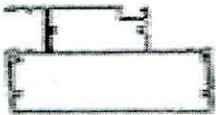
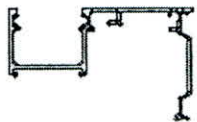
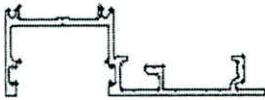
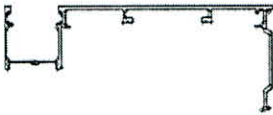
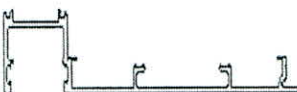

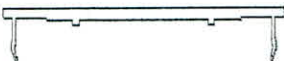

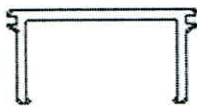
**Phụ lục 11 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	TO-2W037A		6063-TE
2	TO-2W038		6063-TE
3	TO-2W039		6063-TE
4	TO-2W048		6063-TE
5	TO-2W044		6063-TE
6	TO-2W040		6063-TE
7	TO-2W041		6063-TE
8	TO-2W051		6063-TE
9	TO-2W050		6063-TE
10	TO-2W045		6063-TE
11	TO-2W043A		6063-TE

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
12	TO-2S265		6063-TE
13	TO-2J004		6063-TE
14	TO-2W052		6063-TE
15	TO-26046A		6063-TE
16	TO-2W042		6063-TE
17	TO-1A604		6063-TE
18	TO-26050A		6063-TE
19	TO-26051C		6063-TE
20	TO-26053A		6063-TE
21	TO-5T615		6063-TE
22	TO-5T616		6063-TE



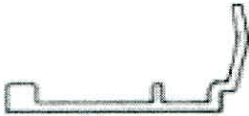



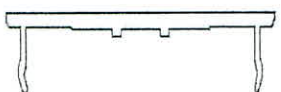
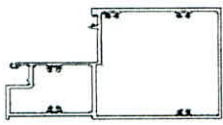

HOC  
RUA  
HAI  
DO  
CHA  
11CH

44-10-11  
14/10/2011

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
23	TO-5T617		6063-TE
24	TO-5T621		6063-TE
25	TO-5Z725		6063-TE
26	TO-5T618		6063-TE
27	TO-5T619		6063-TE
28	TO-5Z726A		6063-TE
29	TO-5Z727A		6063-TE
30	TO-5Z931		6063-TE
31	TO-5T620		6063-TE
32	TO-6A399		6063-TE
33	TO-5T623		6063-TE

ÔNG  
 ANH  
 CHỦ  
 CÔNG  
 TY



STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
34	TO-5Z728		6063-TE
35	TO-6B409		6063-TE
36	TO-5Z729		6063-TE
37	TO-2W046		6063-TE
38	TO-2W047		6063-TE
39	TO-2W049		6063-TE
40	TO-5T622		6063-TE
41	TO-6B408		6063-TE
42	TO-26049		6063-TE

THƯƠNG

HINH

Handwritten signature